

Số: **3234**/SNN-KHTC

Hà Nội, ngày **31** tháng **10** năm 2018

V/v thực hiện các quy định
hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Kính gửi: Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 05/10/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc tổ chức triển khai Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Công văn số 3200/SNN-KHTC ngày 30/10/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội về việc thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 05/10/2018 của UBND Thành phố;

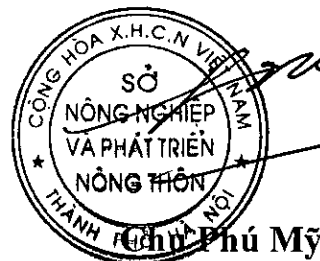
Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội yêu cầu các phòng, đơn vị trực thuộc nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện các quy định của Trung ương và Thành phố về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nêu trên./.

(Gửi kèm theo: Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 05/10/2018 của UBND thành phố Hà Nội).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đ/c LĐ Sở;
- Website Sở NN&PTNT Hà Nội;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 04/2017/QH14

LUẬT
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nguyên tắc, nội dung; nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này.
2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ* là doanh nghiệp nhỏ và vừa có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý, điều hành doanh nghiệp đó.
2. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo* là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.
3. *Chuỗi giá trị* là mạng lưới liên kết tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm hoặc dịch vụ, bao gồm các giai đoạn tiếp nối nhau từ hình thành ý tưởng, thiết kế, sản xuất, phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng.
4. *Chuỗi phân phối sản phẩm* là mạng lưới các trung gian thực hiện phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa đến người tiêu dùng do các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, kinh doanh thực hiện.

5. *Cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa* (sau đây gọi là *cơ sở kỹ thuật*) là cơ sở cung cấp các thiết bị dùng chung để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thiết kế, thử nghiệm, đo lường, phân tích, giám định, kiểm định sản phẩm, hàng hóa, vật liệu.

6. *Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa* (sau đây gọi là *cơ sở ươm tạo*) là cơ sở cung cấp các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho các tổ chức, cá nhân hoàn thiện ý tưởng kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn mới thành lập.

7. *Cum liên kết ngành* là hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành và doanh nghiệp, tổ chức có liên quan cùng hợp tác và cạnh tranh.

8. *Khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo* (sau đây gọi là *khu làm việc chung*) là khu vực cung cấp không gian làm việc tập trung, không gian trưng bày sản phẩm, cung cấp các tiện ích để hỗ trợ, liên kết các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 4. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây:

a) Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng;

b) Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải tôn trọng quy luật thị trường, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

3. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực.

4. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước do các tổ chức, cá nhân tài trợ được thực hiện theo quy định của tổ chức, cá nhân đó nhưng không được trái quy định của pháp luật.

5. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định

của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

Trường hợp nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ hơn.

6. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được nhận hỗ trợ khi đã thực hiện đầy đủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- a) Nguồn vốn tín dụng có hỗ trợ, bảo lãnh của Nhà nước;
- b) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;
- c) Nguồn vốn hỗ trợ từ miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản khác phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
- d) Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

2. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được lập dự toán, thẩm định, phê duyệt, quyết toán theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không đúng nguyên tắc, đối tượng, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.
2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
3. Phân biệt đối xử, gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, cá nhân hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
4. Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin giả mạo, không trung thực liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
5. Sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích đã cam kết.

Chương II

NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 1

HỖ TRỢ CHUNG

Điều 8. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng

1. Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích

tổ chức tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác; khuyến khích thành lập tổ chức tư vấn độc lập để xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, tăng cường năng lực quản trị, kỹ năng quản lý, minh bạch hóa tài chính của doanh nghiệp để nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 9 của Luật này.

Điều 9. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập.

2. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện chức năng cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Việc bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên tài sản bảo đảm hoặc phương án sản xuất, kinh doanh khả thi hoặc xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết; không được từ chối bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đủ điều kiện được bảo lãnh.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 10. Hỗ trợ thuế, kế toán

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp siêu nhỏ được áp dụng các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán.

Điều 11. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất

1. Căn cứ vào điều kiện quỹ đất thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

3. Việc hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện thông qua việc bù giá cho nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp để giảm giá cho thuê mặt bằng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Số tiền bù giá được trừ vào số tiền thuê đất hoặc được hỗ trợ từ ngân sách địa phương.

4. Việc hỗ trợ mặt bằng sản xuất quy định tại Điều này không áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn nhà nước.

Điều 12. Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập theo hình thức đối tác công tư cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung. Doanh nghiệp và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.

3. Cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung được hưởng các hỗ trợ sau đây:

a) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 13. Hỗ trợ mở rộng thị trường

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập chuỗi phân phối sản phẩm theo hình thức đối tác công tư. Doanh nghiệp và tổ chức đầu tư, kinh doanh khác được thành lập chuỗi phân phối sản phẩm.

2. Doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm có ít nhất 80% số doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm sản xuất tại Việt Nam được hưởng các hỗ trợ sau đây:

a) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 14. Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý

1. Các thông tin sau đây được công bố trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

a) Thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp;

c) Các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là mạng lưới tư vấn viên). Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm chi phí tư vấn khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động sau đây để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Nhà nước tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo trực tuyến, chương trình đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng khác cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hoạt động đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2**HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
CHUYỂN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO,
THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ****Điều 16. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Trước khi thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

2. Nội dung hỗ trợ bao gồm:

a) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp;

b) Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu; miễn phí thẩm định, phí, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

c) Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

d) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;

đ) Miễn, giảm tiền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh, chủ hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ chưa thanh toán của hộ kinh doanh, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo quy định của pháp luật.

4. Hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động kể từ thời điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 17. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- b) Chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần.

2. Nội dung hỗ trợ bao gồm:

a) Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới;

b) Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng;

c) Hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;

d) Hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ;

đ) Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 18. Đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

1. Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo bao gồm quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

2. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây:

a) Đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư;

b) Nhà đầu tư tư nhân góp vốn vào quỹ phải có điều kiện tài chính và chịu trách nhiệm về vốn góp của mình.

3. Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tại khoản 1 Điều này được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn

đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Căn cứ vào điều kiện ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo các nguyên tắc sau đây:

a) Lựa chọn các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện để cùng đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo;

b) Khoản vốn đầu tư từ ngân sách địa phương không quá 30% tổng vốn đầu tư mà doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo huy động được từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn;

c) Tiến hành chuyển nhượng vốn đầu tư cho nhà đầu tư tư nhân trong thời hạn 05 năm kể từ thời điểm góp vốn đầu tư. Việc chuyển nhượng vốn đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được hỗ trợ nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành;

b) Có đổi mới sáng tạo về quy trình công nghệ, vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị.

2. Nội dung hỗ trợ bao gồm:

a) Đào tạo chuyên sâu về công nghệ, kỹ thuật sản xuất; tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, chiến lược phát triển sản phẩm theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

b) Cung cấp thông tin về nhu cầu kết nối, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

c) Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường sản phẩm của cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

d) Hỗ trợ sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

đ) Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Việc cấp bù lãi suất được thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị không thuộc lĩnh vực sản xuất, chế biến do Chính phủ quy định sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến.

Điều 20. Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Thủ tướng Chính phủ thành lập, thực hiện các chức năng sau đây:

a) Cho vay, tài trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

b) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương III

**TRÁCH NHIỆM TRONG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

Điều 21. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Xây dựng dự toán ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Ban hành theo thẩm quyền chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Thực hiện vai trò điều phối, xác định mục tiêu, đối tượng, trọng tâm hỗ trợ để xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình, dự án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ bố trí nguồn vốn chi đầu tư phát triển để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này.

3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ và cơ quan ngang Bộ khác xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Hướng dẫn về thủ tục hành chính thuế, chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ; việc thực hiện các chính sách thuế, phí, lệ phí đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ bố trí nguồn vốn để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Công bố thông tin về việc chấp hành pháp luật về thuế, hải quan và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khác của các doanh nghiệp nhỏ và vừa để xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 24. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

c) Tổ chức việc thống kê và công bố thông tin về doanh nghiệp nhỏ và vừa;

d) Hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

đ) Ưu tiên bố trí nguồn lực để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Bộ Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi phân phối sản phẩm.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn việc thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách của Chính phủ về hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 25. Trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11, khoản 4 Điều 18 của Luật này;

b) Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Giám sát việc tuân theo pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; kế hoạch, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh;

b) Kiểm tra, đánh giá công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Tôn vinh doanh nghiệp nhỏ và vừa có thành tích, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 26. Trách nhiệm của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, huy động các nguồn lực hỗ trợ hội viên là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham gia đánh giá các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

4. Thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp lớn với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các điều kiện, cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tuân thủ các thủ tục hành chính.

2. Cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ và chính xác cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để chứng minh, xác nhận việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp theo hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Tham gia, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đầu tư thành lập, quản lý và vận hành tổ chức thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và

vừa theo hình thức đối tác công tư hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3. Thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.

Điều 29. Công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện công khai nội dung, chương trình, kết quả thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác có liên quan.

2. Việc công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Niêm yết công khai tại cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Việc công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải được thực hiện chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 1 Điều này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 30. Kiểm tra, giám sát việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân tài trợ kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm:

a) Việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ; việc thực hiện trình tự, thủ tục và nội dung hỗ trợ;

b) Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ, tài trợ;

c) Việc thực hiện công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 29 của Luật này.

Điều 31. Đánh giá hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, tác động dự kiến đối với đối tượng hỗ trợ và công khai kết quả đánh giá theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật này.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư định kỳ tổ chức đánh giá độc lập tác động của nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 32. Xử lý vi phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định xử lý vi phạm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 như sau:

a) Bổ sung điểm o vào khoản 1 Điều 16 như sau:

“o) Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.”;

b) Sửa đổi khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.”.

2. Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 14 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 như sau:

“c) Nhà thầu là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ.”.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Điều 35. Quy định chuyển tiếp

1. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo nội dung, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt; trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì được thực hiện theo quy định của Luật này.

2. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, các cam kết do Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện, nếu các bên không có thỏa thuận khác.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2017.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Đã ký: Nguyễn Thị Kim Ngân

**VĂN PHÒNG
CHỦ TỊCH NƯỚC**

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2017

KT. CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH NƯỚC

PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG TRỰC

S6:01 /SY-VPCTN



Giang Sơn

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2018

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C ...
	Ngày: ... 15/3/18

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ
doanh nghiệp nhỏ và vừa

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm: Điều 4; khoản 1 và khoản 2 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 17 và Điều 19.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.
2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Là một tập hợp các hoạt động có liên quan đến nhau, sử dụng các nguồn lực nhằm đạt được mục tiêu hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa có tiềm năng phát triển trong một hoặc nhiều ngành, lĩnh vực, địa bàn trong một hoặc nhiều giai đoạn.

2. Cơ quan chủ trì Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Là cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ xây dựng, tổ chức thực hiện, phối hợp, giám sát, đánh giá thực hiện và chịu trách nhiệm toàn bộ về Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Là điểm truy cập trên môi trường mạng (tại địa chỉ www.business.gov.vn) hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua việc tích hợp thông tin, dịch vụ và các ứng dụng phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Mạng lưới tư vấn viên: Là tập hợp các tư vấn viên, tổ chức tư vấn có chuyên môn thuộc các lĩnh vực khác nhau đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa, được các cơ quan quản lý nhà nước công nhận trên cơ sở các tiêu chí được ban hành và công bố công khai để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Việc hỗ trợ về thông tin, tư vấn, phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh thực hiện theo dự toán ngân sách hàng năm. Trong trường hợp xác định mục tiêu hỗ trợ theo giai đoạn trung hạn hoặc dài hạn, việc hỗ trợ về thông tin, tư vấn, phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh có thể thực hiện theo Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trình cấp có thẩm quyền theo đúng quy định.

3. Căn cứ nguồn lực hỗ trợ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quyết định số lượng doanh nghiệp được nhận hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước;

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ trước được hỗ trợ trước.

Điều 5. Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm các nội dung sau: Mục tiêu; đối tượng và điều kiện hỗ trợ; trình tự, thủ tục lựa chọn; nội dung hỗ trợ; nguồn lực thực hiện; cơ chế quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện; thời gian thực hiện Đề án; các nội dung khác (nếu có).

Chương II XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Điều 6. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được phân theo quy mô bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa.

1. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Xác định lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế và quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp hoạt động trong nhiều lĩnh vực, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực có doanh thu cao nhất. Trường hợp không xác định được lĩnh vực có doanh thu cao nhất, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực sử dụng nhiều lao động nhất.

Điều 8. Xác định số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm của doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội là toàn bộ số lao động do doanh nghiệp quản lý, sử dụng và trả lương, trả công tham gia bảo hiểm xã hội theo pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của năm chia cho số tháng trong năm và được xác định trên chứng từ nộp bảo hiểm xã hội của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của các tháng hoạt động chia cho số tháng hoạt động.

Điều 9. Xác định tổng nguồn vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán thể hiện trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm cuối quý liền kề thời điểm doanh nghiệp đăng ký hưởng nội dung hỗ trợ.

Điều 10. Xác định tổng doanh thu của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tổng doanh thu của năm là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp và được xác định trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm hoặc trên 01 năm nhưng chưa phát sinh doanh thu thì doanh nghiệp căn cứ vào tiêu chí tổng nguồn vốn quy định tại Điều 9 Nghị định này để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 11. Xác định và kê khai doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa căn cứ vào mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để tự xác định và kê khai quy mô là doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc doanh nghiệp nhỏ hoặc doanh nghiệp vừa và nộp cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp nhỏ và vừa phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai.

2. Trường hợp doanh nghiệp tự phát hiện kê khai quy mô không chính xác, doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện điều chỉnh và kê khai lại. Việc kê khai lại phải được thực hiện trước thời điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa hưởng nội dung hỗ trợ.

3. Trường hợp doanh nghiệp cố ý kê khai không trung thực về quy mô để được hưởng hỗ trợ thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả toàn bộ kinh phí và chi phí liên quan mà doanh nghiệp đã nhận hỗ trợ.

Chương III

HỖ TRỢ THÔNG TIN, TƯ VẤN, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Điều 12. Hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn phí truy cập thông tin quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý và trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 13. Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ để lựa chọn tư vấn viên hoặc tổ chức tư vấn và dịch vụ tư vấn phù hợp nhu cầu của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn tại cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hồ sơ tư vấn là điều kiện để cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xem xét cung cấp dịch vụ hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Biên bản thỏa thuận dịch vụ tư vấn giữa doanh nghiệp và tư vấn viên hoặc tổ chức tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn (nhưng không bao gồm tư vấn về thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành) thuộc mạng lưới tư vấn viên.

a) Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 03 triệu đồng một năm;

b) Doanh nghiệp nhỏ được giảm tối đa 30% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 05 triệu đồng một năm;

c) Doanh nghiệp vừa được giảm tối đa 10% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 10 triệu đồng một năm;

d) Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được miễn, giảm phí tư vấn theo quy định tại Chương IV của Nghị định này.

4. Mạng lưới tư vấn viên

a) Mạng lưới tư vấn viên được xây dựng bao gồm tư vấn viên đã và đang hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành và tư vấn viên hình thành mới, đảm bảo nguyên tắc: Đối với cá nhân tư vấn phải đảm bảo về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác, trình độ đào tạo, phù hợp và đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đối với tổ chức phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Hồ sơ đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên: Đối với trường hợp cá nhân tư vấn, hồ sơ bao gồm: Sơ yếu lý lịch; bằng đào tạo; hồ sơ kinh nghiệm; các văn bản, giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện); đối với trường hợp tổ chức tư vấn: Giấy phép thành lập; hồ sơ kinh nghiệm, hồ sơ của các cá nhân tư vấn thuộc tổ chức và các văn bản, giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện);

c) Tư vấn viên hoặc tổ chức tư vấn nộp hồ sơ quy định tại điểm b khoản này tới đơn vị đầu mối thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được giao tổ chức hoạt động mạng lưới tư vấn viên để được công nhận vào mạng lưới tư vấn viên và công bố trên trang thông tin điện tử của mình trong thời hạn 10 ngày làm việc.

Điều 14. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh.

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối thiểu 50% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ được miễn học phí tham gia khóa đào tạo.

2. Hỗ trợ đào tạo nghề

Doanh nghiệp nhỏ và vừa khi cử lao động tham gia khóa đào tạo trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo dưới 03 tháng thì được miễn chi phí đào tạo. Các chi phí còn lại do doanh nghiệp nhỏ và vừa và người lao động thỏa thuận. Lao động tham gia khóa đào tạo phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đã làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tối thiểu 06 tháng liên tục;
- b) Không quá 50 tuổi đối với nam, 45 tuổi đối với nữ.

3. Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được hỗ trợ 50% tổng chi phí của một khóa đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhưng không quá 01 lần một năm;

b) Khóa đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp có tối thiểu 10 học viên.

Chương IV HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CHUYỂN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH, KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ

Mục 1 HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA CHUYỂN ĐỔI TỪ HỘ KINH DOANH

Điều 15. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp

1. Hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao đơn vị đầu mối tư vấn, hướng dẫn miễn phí:

- a) Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp;
- b) Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có).

~~2. Hồ sơ để doanh nghiệp nhỏ và vừa được hưởng nội dung quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:~~

- a) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh;
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế;
- c) Bản sao chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi.

3. Trình tự, thủ tục đăng ký tư vấn, hướng dẫn miễn phí:

a) Chủ hộ kinh doanh gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này tại đơn vị đầu mối được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao tư vấn, hướng dẫn;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, đơn vị đầu mối có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn miễn phí các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin doanh nghiệp

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh đáp ứng điều kiện về hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại cơ quan đăng ký kinh doanh; miễn phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lần đầu tại Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Điều 17. Hỗ trợ thẩm định, cấp phép kinh doanh lần đầu

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn phí thẩm định, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà không thay đổi về quy mô thì cần có đơn gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy phép. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp lại giấy phép trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn.

Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh vẫn sản xuất kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà thay đổi về quy mô thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn miễn phí về quy trình, thủ tục việc cấp phép lần đầu.

Điều 18. Hỗ trợ lệ phí môn bài

Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Điều 19. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được tư vấn, hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm giao đơn vị đầu mối thực hiện tư vấn, hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 2

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 20. Phương thức lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tham gia Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khi đáp ứng điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được lựa chọn tham gia Đề án theo một trong các phương thức:

1. Được đầu tư, lựa chọn bởi các cơ quan, tổ chức bao gồm:

a) Các khu làm việc chung quy định tại Điều 12 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, đáp ứng các tiêu chí sau: Người đứng đầu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; tổ chức có ít nhất 01 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 01 tỷ đồng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam;

c) Các Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Điều 18 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Được nhận các giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo.

3. Được cấp Giấy chứng nhận, văn bằng bảo hộ đối với sáng kiến, sáng chế.

4. Được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao.

5. Được lựa chọn trực tiếp bởi Hội đồng.

Hội đồng do cơ quan chủ trì Đề án thành lập và hoạt động đảm bảo nguyên tắc sau:

- a) Số lượng thành viên Hội đồng và cơ chế làm việc của Hội đồng do cơ quan chủ trì Đề án quyết định;
- b) Có tối thiểu 50% thành viên tham gia Hội đồng là đại diện từ các chuyên gia tư vấn độc lập trong nước và quốc tế, hiệp hội liên quan và các cá nhân khác;
- c) Các thành viên của Hội đồng từ đại diện các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm;
- d) Hội đồng hoạt động liên tục trong toàn bộ thời gian của Đề án và tự giải thể sau khi kết thúc Đề án.

Điều 21. Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

1. Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ:

- a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;
- b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ;
- c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị của nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế;
- d) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý.

2. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới:

- a) Cung cấp thông tin miễn phí về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;
- b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở;

c) Giảm 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; giảm 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; giảm 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá 01 lần trên năm;

d) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường;

đ) Giảm 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hoá tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý nhà nước nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá 01 lần trên năm.

3. Hỗ trợ về ứng dụng, chuyển giao công nghệ

Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng ứng dụng công nghệ cao, hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng không quá 100 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm.

4. Hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa:

a) Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo chuyên sâu về các nội dung sau: Xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học. Chi phí hỗ trợ không quá 20 triệu đồng trên một khoá đào tạo và không quá 01 khoá đào tạo trên năm;

b) Miễn phí tra cứu, khai thác, cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về sáng chế, thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu;

c) Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội trợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế; được ưu tiên tham gia Chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Miễn phí cung cấp thông tin, truyền thông về kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

5. Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung:

a) Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Hỗ trợ 50% nhưng không vượt quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo phí tham gia các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Mục 3
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ

Điều 22. Tiêu chí lựa chọn cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

Việc lựa chọn cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

1. Đóng góp cao trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của quốc gia hoặc địa phương.
2. Tạo việc làm cho người lao động.
3. Tạo ra giá trị gia tăng cao.
4. Có mật độ doanh nghiệp tham gia lớn.

Điều 23. Phương thức lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị tham gia Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị quy định tại khoản 2, khoản 7 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được lựa chọn tham gia Đề án theo một trong các phương thức:

1. Có hợp đồng hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp dẫn dắt trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.
2. Có hợp đồng mua chung nguyên vật liệu đầu vào.
3. Có hợp đồng bán chung sản phẩm.
4. Cùng xây dựng và sử dụng thương hiệu vùng.

Điều 24. Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

1. Hỗ trợ 50% chi phí đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên biệt tại hiện trường nhưng không quá 30 triệu đồng trên 01 khóa đào tạo cho một doanh nghiệp và không quá 01 khóa đào tạo trên năm.

2. Hỗ trợ liên kết sản xuất, kinh doanh:

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thúc đẩy liên kết trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng các dự án liên kết kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển thị trường, nâng cao giá trị của sản phẩm, hàng hóa.

3. Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường:

a) Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế; được ưu tiên tham gia Chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách nhà nước;

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh;

c) Hỗ trợ 100% chi phí hợp đồng tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành nhưng không quá 20 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên năm.

4. Tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng:

a) Cung cấp thông tin miễn phí về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở;

c) Giảm 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; giảm 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; giảm 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng trên 01 lần thử và không quá 01 lần trên năm;

d) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp tự tổ chức đo lường.

5. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng:

a) Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Hỗ trợ sử dụng các phòng thử nghiệm về chất lượng hàng hoá của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;

c) Giảm 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hoá tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý nhà nước nhưng không quá 10 triệu đồng trên 01 lần thử và không quá 01 lần trên năm;

d) Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng đặt hàng các cơ sở viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng trên 01 lần và không quá 01 lần trên năm.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 25. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, có trách nhiệm:

a) Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Tham gia ý kiến đối với các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan tổ chức liên quan;

c) Tổng hợp kế hoạch nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định này;

d) Chủ trì bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và kêu gọi, huy động các nguồn vốn khác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng dự toán và bố trí vốn chi thường xuyên thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

e) Quản lý, bảo đảm hoạt động của Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; công bố thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 14 của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

g) Chủ trì hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh, đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 14 Nghị định này; tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo trực tuyến, chương trình đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng khác cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; hướng dẫn Quy chế hoạt động của mạng lưới tư vấn viên quy định tại Điều 13 Nghị định này; tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động hỗ trợ tư vấn của mạng lưới tư vấn viên thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Căn cứ vào dự toán vốn chi thường xuyên thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, Bộ Tài chính bố trí kinh phí vốn chi thường xuyên thực hiện các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật ngân sách nhà nước;

b) Chủ trì hướng dẫn về cơ chế tài chính hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 13 Nghị định này, hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 14 Nghị định này;

c) Chủ trì hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sau khi Đề án được cơ quan chủ trì trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Quy định chính sách về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn giảm tiền sử dụng đất có thời hạn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh;

đ) Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình, có trách nhiệm:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thuộc lĩnh vực quản lý;

b) Công bố thông tin theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 14 của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, công bố trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

c) Xây dựng tiêu chí và công nhận tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên trong ngành, lĩnh vực phụ trách; công bố mạng lưới tư vấn viên trên trang thông tin điện tử của mình đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố công khai trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; giao đơn vị đầu mối trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức, quản lý, kiểm tra, giám sát, thực hiện hoạt động tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng, sửa đổi và ban hành chủ trương, chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định này.

3. Xây dựng, tổ chức thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh; xây dựng, tổ chức thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn.

4. Giao đơn vị đầu mối tư vấn, hướng dẫn hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp quy định tại Nghị định này.

5. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan tình hình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của địa phương.

Điều 27. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Chủ trì xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đảm bảo nguyên tắc:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ trình Thủ tướng Chính phủ ra quyết định sau khi lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đảm bảo thống nhất về tính đồng bộ, mục tiêu, đối tượng trọng tâm hỗ trợ để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định chủ trương trước khi ra quyết định phê duyệt, triển khai Đề án;

c) Căn cứ nguồn lực hỗ trợ và đặc thù của ngành, lĩnh vực, xác định giá trị hỗ trợ tối đa đối với các nội dung hỗ trợ 100% của các hợp đồng tư vấn quy định tại Điều 21, Điều 24 Nghị định này.

2. Xây dựng quy chế phối hợp, giám sát và đánh giá thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Thành lập Hội đồng lựa chọn đối tượng tham gia Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định này.

4. Tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Định kỳ hàng năm báo cáo cơ quan có thẩm quyền và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 28. Xử lý chuyển tiếp

Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo nội dung, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt và được hưởng các hỗ trợ mới theo quy định tại Nghị định này.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành và thay thế Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai Nghị định này, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ trưởng, các Phó Thủ trưởng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMDN (2b).KN.205



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục

**TỜ KHAI XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ,
DOANH NGHIỆP NHỎ, DOANH NGHIỆP VỪA**

(Kèm theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP

ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Loại hình doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Quận/huyện:..... tỉnh/thành phố:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

2. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm:

Tổng nguồn vốn:

Tổng doanh thu năm trước liền kề:

3. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):

Doanh nghiệp siêu nhỏ

Doanh nghiệp nhỏ

Doanh nghiệp vừa

Tôi cam đoan thông tin kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về việc kê khai trên./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

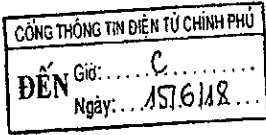
11/09/23

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /CT-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2018



CHỈ THỊ

**Về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả
Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Luật Hỗ trợ DNNVV) đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2018. Để triển khai đồng bộ, có hiệu quả, sớm đưa các chính sách, giải pháp quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV vào cuộc sống, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp, nhiệm vụ sau:

I. HOÀN THIỆN KHUÔN KHÓ PHÁP LUẬT

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Khẩn trương hoàn thiện và trình Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Xây dựng và ban hành trong năm 2018 các thông tư quy định về: tổ chức hoạt động hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (không bao gồm nội dung hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa) quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Hỗ trợ DNNVV; Quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Hỗ trợ DNNVV.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Nghiên cứu, báo cáo cơ quan có thẩm quyền việc sửa đổi, bổ sung Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó quy định mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và áp dụng có thời hạn đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa; quy định việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn cho các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; quy định việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn cho các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm; quy định việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh; quy định việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn cho các nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV.

b) Hướng dẫn miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp cho các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung và chuỗi phân phối sản phẩm quy định tại khoản 3 Điều 12 và khoản 2 Điều 13 Luật Hỗ trợ DNNVV.

c) Xây dựng và ban hành trong năm 2018 các thông tư: hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trợ giúp đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; quy định chi tiết một số nội dung của chế độ kế toán đơn giản cho doanh nghiệp siêu nhỏ, trình Chính phủ.

d) Trong từng thời kỳ, chủ trì, phối hợp với Ngân hàng nhà nước trình cấp có thẩm quyền chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

đ) Xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn việc thực hiện chính sách thuế, phí, lệ phí đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa và doanh nghiệp, tổ chức khác theo quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV.

3. Bộ Công Thương chủ trì hướng dẫn việc doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi phân phối sản phẩm trình cấp có thẩm quyền trong năm 2018.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì hướng dẫn chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

b) Chủ trì hướng dẫn việc thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung, trình cấp có thẩm quyền trong năm 2018.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn các địa phương bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong năm 2018.

6. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan sửa đổi, bổ sung Nghị định số 66/NĐ/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trình Chính phủ trong tháng 12 năm 2018.

7. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Hỗ trợ DNNVV.

8. Trong từng thời kỳ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì hướng dẫn chính sách hỗ trợ các tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

II. TRIỂN KHAI CÁC ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Thực hiện vai trò điều phối, xác định mục tiêu, đối tượng, trọng tâm hỗ trợ để xây dựng và triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV.

b) Xây dựng Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để cung cấp, công bố thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Đẩy mạnh, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức hiệp hội tổ chức đào tạo nâng cao năng lực, trình độ nghiệp vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cho các cán bộ, công chức, viên chức của các bộ, ngành, địa phương và cán bộ của hiệp hội doanh nghiệp.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan liên quan bố trí nguồn kinh phí thường xuyên thực hiện các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

b) Chủ trì hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan liên quan công bố thông tin về việc chấp hành pháp luật về thuế, hải quan và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khác của các doanh nghiệp nhỏ và vừa để xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đẩy mạnh việc triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đẩy mạnh việc hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổng hợp danh mục các văn bản hướng dẫn về nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ, xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa và công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quý IV năm 2018.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chỉ đạo các tổ chức tín dụng chủ động nghiên cứu, xây dựng các chương trình, gói tín dụng với lãi suất hợp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn, triển khai chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan liên quan xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

a) Căn cứ vào điều kiện quỹ đất thực tế tại địa phương, chủ trì trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển các cụm công nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Căn cứ điều kiện ngân sách địa phương, chủ trì trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hỗ trợ DNNVV.

c) Bảo đảm nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện các nội dung, kế hoạch, Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn.

d) Thống nhất, kiện toàn đơn vị đầu mối trên địa bàn trong năm 2018; nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của đơn vị đầu mối thực hiện công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

đ) Xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình hoặc đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh trên địa bàn; đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn.

e) Căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương:

- Nghiên cứu và thí điểm thành lập hoặc hỗ trợ, phối hợp với các nhà đầu tư, doanh nghiệp thành lập ít nhất một trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp hoặc khu làm việc chung để hỗ trợ khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo trong giai đoạn 2018 - 2020.

- Giao cho tổ chức tài chính nhà nước của địa phương thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Luật Hỗ trợ DNNVV.

- Tổ chức lựa chọn, triển khai thí điểm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia ít nhất một cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong các ngành, sản phẩm có thế mạnh của địa phương trong năm 2018.

7. Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

a) Tổ chức cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định Luật Hỗ trợ DNNVV và điều lệ; tổ chức hoạt động thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp lớn với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Chủ động tổ chức tập hợp ý kiến, nhu cầu của các hội viên, doanh nghiệp nhỏ và vừa, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

III. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và thực hiện các văn bản pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có liên quan biên soạn, in ấn nội dung tuyên truyền, tập huấn về Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản hướng dẫn Luật; tuyên truyền và phổ biến các mô hình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động có hiệu quả, các mô hình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trọng tâm gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bằng nhiều hình thức phù hợp trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cho các hội viên, cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên như Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức đoàn thể khác tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh; doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan báo chí tổ chức tốt việc tuyên truyền và phổ biến, giáo dục pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cho cơ quan, tổ chức, nhân dân tại địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

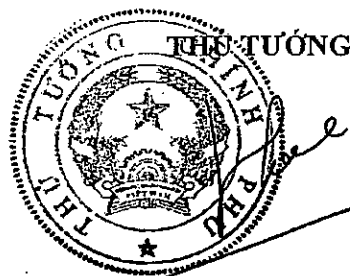
1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan tổ chức có liên quan tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng nội dung công việc với thời hạn hoàn thành và đầu mối chịu trách nhiệm.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chỉ thị này; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Đảng ủy Khối doanh nghiệp trung ương;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội DNNVV Việt Nam;
- Các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước;
- VPCP, BTCN, các PCN, Trụ lý TTg,
- TGD Công TTĐT,
- các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMDN (2b). 334



Nguyễn Xuân Phúc

Số: 09 /CT-UBND

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2018

CHỈ THỊ

V/v tổ chức triển khai Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Signature Not Verified

Thời gian ký:
12/10/2018 10:11 AM

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 39/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV);

Thực hiện Chỉ thị 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV, Chủ tịch UBND Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; các hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp, nhiệm vụ sau:

I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí, các cơ quan liên quan trên địa bàn Thành phố thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ DNNVV bằng nhiều hình thức phù hợp trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Báo Kinh tế và Đô thị, Báo Hà Nội mới, Đài phát thanh và Truyền hình Hà Nội và các cơ quan báo chí thuộc Thành phố tích cực tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản triển khai thi hành của Chính phủ và Thành phố bằng nhiều hình thức phù hợp trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và thực hiện các văn bản pháp luật về hỗ trợ DNNVV thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố và các tổ chức như: Hội Nông dân Thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố và các tổ chức đoàn thể khác tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ DNNVV; khuyến khích hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Đồng thời chủ động, tích cực triển khai có hiệu quả Đề án/Kế hoạch về khởi nghiệp do các cơ quan Đoàn thể Thành phố chủ trì (nếu có) trong tổ chức thành viên.

- UBND các quận, huyện, thị xã tập trung chỉ đạo tổ chức tốt việc tuyên truyền và phổ biến, giáo dục pháp luật về hỗ trợ DNNVV cho cơ quan, tổ chức và toàn thể nhân dân trên địa bàn.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu biên soạn, in ấn các nội dung tuyên truyền, phổ biến Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản liên quan, các tin hoạt động hỗ trợ DNNVV, giới thiệu các mô hình doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo tiêu biểu.

II. TRIỂN KHAI CÁC ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG HỖ TRỢ DNNVV

Các sở, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung thực hiện các nội dung như sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Đầu mối triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản liên quan; hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

- Tiếp tục nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ DNNVV Hà Nội (đơn vị đầu mối) thực hiện có hiệu quả công tác hỗ trợ DNNVV trên địa bàn.

- Nghiên cứu, đề xuất nội dung giao đơn vị đầu mối của Thành phố thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2018 - 2020 vào Đề án hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố, hoàn thiện Đề án trình UBND Thành phố trong quý III/2018; trình HĐND Thành phố vào kỳ họp cuối năm 2018 để ban hành và triển khai thực hiện.

- Phối hợp với Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố, Sở Tài chính nghiên cứu, tham mưu UBND Thành phố ban hành cơ chế đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo phù hợp các quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính:

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan tham mưu, trình UBND Thành phố bố trí kinh phí để thực hiện các nội dung, kế hoạch, Đề án hỗ trợ DNNVV và đầu tư cho DNNVV Khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố theo qui định.

- Phối hợp với Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố và các Sở, ngành liên quan nghiên cứu cơ chế đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước.

- Phối hợp với Sở Công thương, các sở, ngành, đơn vị liên quan nghiên cứu tham mưu đề xuất chính sách hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho các DNNVV tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, các sở, ngành, đơn vị liên quan rà soát quỹ đất thực tế của Thành phố, phối hợp với các sở, ngành liên quan đề xuất phát triển hạ tầng thương mại, phát triển các cụm công nghiệp cho DNNVV, khu

chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho DNNVV giai đoạn 2018 - 2020.

4. Sở Công Thương:

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành liên quan đề xuất phát triển hạ tầng thương mại, phát triển các cụm công nghiệp cho DNNVV giai đoạn 2018 – 2020.

- Chủ trì phối hợp Ban quản lý các Khu Công nghiệp và chế xuất, Sở Tài chính, các đơn vị liên quan đề xuất chính sách hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho các DNNVV tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hỗ trợ DNNVV, báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố vào kỳ họp giữa năm 2019.

- Xây dựng và báo cáo phương án tổ chức lựa chọn, triển khai thí điểm hỗ trợ DNNVV tham gia ít nhất một cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong các ngành, sản phẩm thế mạnh của Hà Nội thuộc lĩnh vực Công Thương trong giai đoạn 2018 - 2020.

- Hoàn thành xây dựng Đề án/kế hoạch hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất phát triển các khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản tập trung cho DNNVV giai đoạn 2018 - 2020.

- Xây dựng và báo cáo phương án tổ chức lựa chọn, triển khai thí điểm hỗ trợ DNNVV tham gia ít nhất một cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực, sản phẩm ngành nông nghiệp trong năm 2018.

- Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng Đề án/Kế hoạch hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

6. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế Hà Nội, Quỹ Đầu tư phát triển của thành phố Hà Nội và các đơn vị liên quan triển khai các chính sách hỗ trợ DNNVV trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đánh giá hiệu quả và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hiện có trên địa bàn Thành phố.

7. Sở Tư pháp: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho DNNVV trên địa bàn đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

8. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các DNNVV; tổ chức các khóa đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các DNNVV trên địa bàn Thành phố.

9. Cục Thuế Hà Nội:

- Triển khai đầy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện kịp thời các chính sách pháp luật, thủ tục hành chính về thuế, đặc biệt chính sách ưu đãi về thuế đối với DNNVV, doanh nghiệp siêu nhỏ theo qui định tại Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản pháp luật liên quan.

- Tổ chức thực hiện tư vấn, hướng dẫn miễn phí cho DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh các thủ tục hành chính về thuế trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

- Triển khai thực hiện kiểm tra việc chống thất thu thuế và tiếp tục rà soát, chấn chỉnh công tác quản lý thuế khoán đối với các hộ kinh doanh trên địa bàn Thành phố.

10. Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh thành phố Hà Nội:

- Cập nhật, triển khai các chính sách của Chính phủ và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hỗ trợ các tổ chức tín dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội tăng dư nợ cho vay đối với DNNVV; Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan cập nhật, tuyên truyền, phổ biến các chương trình hỗ trợ tín dụng đối với doanh nghiệp hội viên, doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn chủ động nghiên cứu, xây dựng các chương trình, gói tín dụng với lãi suất hợp lý cho DNNVV.

- Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin phục vụ xếp hạng tín nhiệm DNNVV, tham mưu giải pháp khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với DNNVV dựa trên xếp hạng tín dụng doanh nghiệp.

11. Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội:

Phối hợp với Sở Công thương, các Sở, ngành liên quan liên quan đề xuất chính sách hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho các DNNVV tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố

Rà soát quỹ đất trong các khu công nghiệp tạo quỹ đất để các DNNVV thuê sản xuất kinh doanh; thực hiện tuyên truyền các chính sách ưu đãi đối với DNNVV khi có nhu cầu thuê mặt bằng.

12. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Thành phố:

Đẩy mạnh triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại nhằm hỗ trợ DNNVV nâng cao năng lực cạnh tranh, quảng bá các sản phẩm, dịch vụ, tìm kiếm cơ hội hợp tác, kinh doanh, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

13. Giao Quỹ Đầu tư và phát triển Thành phố:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan nghiên cứu cơ chế đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại khoản 4, Điều 18, Luật Hỗ trợ DNNVV, báo cáo UBND Thành phố.

- Đẩy mạnh hoạt động phổ biến và hướng dẫn cho các DNNVV tiếp cận và được thụ hưởng chính sách vay ưu đãi cho một số ngành theo quy định của Thành phố.

- Chủ trì phối hợp các Sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng đề án thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV, báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố thông qua trước khi phê duyệt theo quy định.

14. Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố liên quan đến triển khai nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo chủ động xây dựng dự toán ngân sách năm 2019, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố, trình HĐND Thành phố vào kỳ họp cuối năm để kịp thời triển khai thực hiện ngay từ năm 2019.

15. Hiệp hội DNNVV Hà Nội, các Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và thực hiện các văn bản pháp luật về hỗ trợ DNNVV.

- Tổ chức cung cấp các dịch vụ hỗ trợ DNNVV theo quy định; phát huy vai trò là cầu nối giữa chính quyền Thành phố với cộng đồng doanh nghiệp, kết nối giữa các DNNVV và doanh nghiệp lớn; chủ động phối hợp với các Sở, ban, ngành Thành phố triển khai tích cực, hiệu quả các hoạt động hỗ trợ DNNVV theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì phối hợp với các hiệp hội và hội ngành nghề khác tổ chức hội nghị định kỳ tổng hợp tháo gỡ khó khăn, đề xuất kiến nghị cho DNNVV với Lãnh đạo Thành phố và các Sở ban ngành, nhằm giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật Hỗ trợ DNNVV.

III. TẬP TRUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HIỆU QUẢ KẾ HOẠCH SỐ 106/KH-UBND NGÀY 09/5/2018 CỦA UBND THÀNH PHỐ

Thực hiện Luật Hỗ trợ DNNVV, ngày 09/5/2018 UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 106/KH-UBND về việc triển khai thi hành Luật Hỗ trợ DNNVV. Tuy nhiên, trong thời gian qua một số Sở, ngành, đơn vị, UBND quận, huyện, thị xã chưa nghiêm túc, tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch số 106/KH-UBND của UBND Thành phố trong cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Chủ tịch UBND Thành phố yêu cầu các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã nghiêm túc, tích cực triển khai hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ đã giao tại Kế hoạch số 106/KH-UBND của UBND Thành phố bảo đảm tiến độ, thời hạn thực hiện, báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/12/2018 để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố.

IV. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN KHỞI NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

1. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; các hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn căn cứ vào nhiệm vụ được giao tại Đề án, chủ động xây dựng Kế hoạch, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, báo cáo kết quả triển khai Đề án về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/12/2018 để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố.

2. Giao Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã phối hợp với Cục trưởng Cục Thuế Hà Nội triển khai thực hiện:

- Tổng rà soát số lượng hộ kinh doanh hiện có trên địa bàn.
- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đến tất cả các hộ kinh doanh trên địa bàn về các chính sách khuyến khích, hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành lập doanh nghiệp của Trung ương và Hà Nội.
- Yêu cầu các hộ kinh doanh thường xuyên sử dụng từ 10 lao động trở lên phải chuyển đổi thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp các hộ kinh doanh phải chuyển đổi thành lập doanh nghiệp mà không chuyển đổi, UBND quận, huyện, thị xã xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật (trường hợp cần thiết thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh).
- Tổng hợp, báo cáo số lượng hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, số lượng hộ kinh doanh hoạt động không đăng ký kinh doanh, danh sách các hộ kinh doanh sử dụng thường xuyên từ 10 lao động trở lên trên địa bàn về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/10/2018 để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; các hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, có thời hạn hoàn thành và đầu mỗi chịu trách nhiệm trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chi thị này; định kỳ 6 tháng, cả năm tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ngành, đơn vị, UBND các quận, huyện, thị xã báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo./. *✓*

Nơi nhận: *✓*

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- TT Thành ủy, TT HĐND Thành phố (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- MTTQ Thành phố và các đoàn thể Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND TP;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn (giao Sở KH và ĐT chuyển văn bản);
- Các báo: Kinh tế & Đô thị, Hà Nội mới;
- Đài Phát thanh & Truyền hình Hà Nội;
- VP UBNDTP: Các PCVP, TH, KT, TKBT,
- Công giao tiếp điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, KT Ngân. *AK*

(31456)

450


Nguyễn Đức Chung